

UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 681 /QĐ-SNN

Hưng Yên, ngày 09 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên số: 19/QĐ-UB ngày 15/6/2021 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Nông nghiệp và PTNT; số 2899/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 167/TB-STC ngày 30/8/2024 của Sở Tài chính thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023;

Theo đề nghị của Phòng KH-TC-TTNN,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thuyết minh và số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT theo phụ biểu chi tiết đính kèm.

Điều 2. Giao Phòng KH-TC-TTNN phối hợp với Văn phòng Sở tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước và của tỉnh.

Điều 3. Lãnh đạo Sở, Văn phòng Sở, Phòng KH-TC-TTNN và các phòng, ban, đơn vị trực thuộc có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KH-TC-TTNN, Văn phòng Sở (để TH);
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Minh Tuấn



**BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THU-CHI TỪ PHÍ VÀ LỆ PHÍ,
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, DỊCH VỤ NĂM 2023**

Đơn vị: Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Kèm theo Quyết định số 681 /QĐ-SNN ngày 09 /9 /2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng cộng
I	Thu, chi về phí, lệ phí	
1	Dự toán còn lại năm trước chuyển sang	5.147.347.763
	Nguồn kinh phí cải cách tiền lương	4.446.768.954
	KP chuyển sang năm sau sử dụng	700.578.809
2	Thu trong năm	2.434.067.127
	Phí thẩm định trong lĩnh vực nông nghiệp (trồng trọt)	6.800.000
	Phí thẩm định trong lĩnh vực nông nghiệp (chăn nuôi)	275.292.000
	Phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư	224.291.387
	Phí thẩm định trong lĩnh vực nông nghiệp (thủy sản)	21.676.000
	Lệ phí công nhận chất lượng vật tư nông nghiệp được phép lưu hành tại Việt Nam	18.300.000
	Thẩm định cấp, cấp lại GCN đủ ĐK buôn bán thuốc BVTV	57.600.000
	Thẩm định cấp xác nhận nội dung quảng cáo thuốc BVTV	1.200.000
	Cấp Giấy chứng nhận An toàn thực phẩm	38.500.000
	Phí thẩm định định kỳ cơ sở đủ điều kiện vệ sinh ATTP	5.250.000
	Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật	1.384.782.200
	Phí kiểm sát giết mổ động vật	170.977.100
	Phí thẩm định (cấp phép) trong lĩnh vực nông nghiệp	19.570.000
	Phí phòng chống dịch bệnh cho động vật	0
	Phí thẩm định Giấy chứng nhận An toàn thực phẩm	0
	Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y	0
	Phí nước thải sinh hoạt VSMT các thị trấn	209.828.440
3	Số nộp từ phí và lệ phí thu được	466.962.396
	Nộp Ngân sách nhà nước	465.054.865
	Nộp Ngân sách nhà nước (bổ sung)	1.907.531
	Nộp cấp trên	0
4	Số thực thu trong năm	1.967.104.731
5	Số được sử dụng trong năm	7.114.452.494
6	Chi trong năm	1.858.842.262
	Chi từ nguồn Cải cách tiền lương (TM 6001)	864.266.703
	Chi từ nguồn KP được để lại	994.575.559
	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ (TM 6105)	403.977.059
	Bảo hiểm xã hội (TM 6301)	31.572.200
	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán (TM 6404)	211.848.510
	Tiền nhiên liệu (TM 6503)	12.483.990

	<i>Văn phòng phẩm (TM 6551)</i>	88.476.872
	<i>Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng (TM 6552)</i>	2.405.278
	<i>Vật tư văn phòng khác (TM 6599)</i>	2.874.600
	<i>Chi phí khác (TM 6699)</i>	738.520
	<i>Phụ cấp công tác phí (TM 6702)</i>	900.000
	<i>Thuê phương tiện vận chuyển (TM 6751)</i>	9.200.000
	<i>Chi phí thuê mướn khác (TM 6799)</i>	66.020.140
	<i>Ô tô chuyên dùng (TM 6903)</i>	0
	<i>Các thiết bị công nghệ thông tin (TM 6912)</i>	15.225.000
	<i>Sửa chữa tài sản và thiết bị văn phòng (TM 6913)</i>	1.050.000
	<i>Chi mua hàng hóa, vật tư (TM 7001)</i>	90.352.590
	<i>Chi phí khác (TM 7049)</i>	48.235.800
	<i>Chi các khoản phí và lệ phí (TM 7756)</i>	0
	<i>Chi tiếp khách (TM 7761)</i>	9.215.000
	<i>Chi các khoản khác (TM 7799)</i>	0
7	<i>Kinh phí còn lại đến cuối năm</i>	5.255.610.232
8	<i>Trích lập nguồn Cải cách tiền lương</i>	490.750.369
9	<i>Dự toán còn lại chuyển sang năm sau</i>	5.255.610.232
	Nguồn kinh phí cải cách tiền lương	4.369.344.143
	KP chuyển sang năm sau sử dụng	886.266.089
Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng cộng
II	<i>Thu, chi về hoạt động sự nghiệp</i>	
1	<i>Dự toán còn lại năm trước chuyển sang</i>	2.420.328.182
	Nguồn kinh phí cải cách tiền lương	0
	KP chuyển sang năm sau sử dụng	2.420.328.182
2	<i>Thu trong năm</i>	52.682.273
	Thu từ Hợp đồng công việc với Cục Thú y về giám sát cúm	52.650.000
	Thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, kho bạc nhà nước	32.273
	Thu từ hoạt động nghiệp vụ	0
3	<i>Chi trong năm</i>	110.000
	Chi từ nguồn Cải cách tiền lương	0
	Chi phí duy trì tài khoản, phí chuyển tiền tại Ngân hàng	110.000
4	<i>Chênh lệch thu lớn hơn chi</i>	2.472.900.455
5	<i>Số nộp từ hoạt động sự nghiệp</i>	0
	Nộp Ngân sách nhà nước	0
	Nộp cấp trên	0
6	<i>Kinh phí còn lại đến cuối năm</i>	2.472.900.455
7	<i>Trích lập nguồn Cải cách tiền lương</i>	0
8	<i>Trích lập các Quỹ</i>	0
9	<i>Dự toán còn lại chuyển sang năm sau</i>	2.472.900.455
	Nguồn kinh phí cải cách tiền lương	0
	KP chuyển sang năm sau sử dụng	2.472.900.455

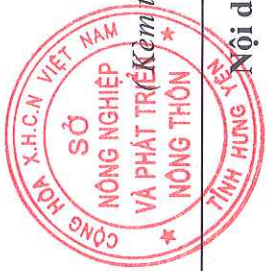
Đvt: đồng

Sở NN và PTNT	Chi cục BVTV	Chi cục QLCL	Chi cục Thú y	TT NSH& VSMT NT
605.190.201	69.468.000	126.144.469	4.316.500.441	30.044.652
561.921.708	69.468.000	110.195.160	3.675.139.434	30.044.652
43.268.493	0	15.949.309	641.361.007	0
546.359.387	58.800.000	43.750.000	1.575.329.300	209.828.440
6.800.000				
275.292.000				
224.291.387				
21.676.000				
18.300.000				
	57.600.000			
	1.200.000			
		38.500.000		
		5.250.000		
			1.384.782.200	
			170.977.100	
			19.570.000	
			0	
			0	
			0	
				209.828.440
91.294.339	17.640.000	8.750.000	158.524.930	190.753.127
91.294.339	17.640.000	8.750.000	158.524.930	188.845.596
0	0	0	0	1.907.531
0	0	0	0	0
455.065.048	41.160.000	35.000.000	1.416.804.370	19.075.313
1.060.255.249	110.628.000	161.144.469	5.733.304.811	49.119.965
306.213.240	94.024.408	64.856.234	1.352.258.540	41.489.840
146.962.722	69.468.000	48.020.121	569.771.208	30.044.652
159.250.518	24.556.408	16.836.113	782.487.332	11.445.188
115.797.568		12.974.823	269.063.300	6.141.368
			31.572.200	
			211.848.510	
		2.306.690	10.177.300	

43.452.950			40.045.380	4.978.542
			2.080.000	325.278
		1.554.600	1.320.000	
			738.520	
			900.000	
			9.200.000	
			66.020.140	
			15.225.000	
			1.050.000	
	3.980.608		86.371.982	
	20.575.800		27.660.000	
			9.215.000	
754.042.009	16.603.592	96.288.235	4.381.046.271	7.630.125
182.026.019	16.464.000	14.000.000	566.721.748	7.630.125
754.042.009	16.603.592	96.288.235	4.381.046.271	7.630.125
596.985.005	16.464.000	76.175.039	3.672.089.974	7.630.125
157.057.004	139.592	20.113.196	708.956.297	0
BQLDA ĐTXD NN	Trung tâm Giống NN	TTTV KTĐĐ TL	Chi cục Thú y	XXXXXX XXXXXX
2.416.424.196	0	0	3.903.986	
0	0	0	0	
2.416.424.196	0	0	3.903.986	
0	0	0	52.682.273	
0	0	0	52.650.000	
0	0	0	32.273	
0	0	0	0	
0	0	0	110.000	
0	0	0		
0	0	0	110.000	
2.416.424.196	0	0	56.476.259	
0	0	0	0	
0	0	0		
2.416.424.196	0	0	56.476.259	
0	0	0		
0	0	0	0	
2.416.424.196	0	0	56.476.259	0
0	0	0	0	
2.416.424.196	0	0	56.476.259	0

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Đơn vị: ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Kèm theo Quyết định số 84/QĐ-SNN ngày 09/9/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)



Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số	Cơ quan Sở NN & PTNT	Chi cục BVTV	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục PTNT	Chi cục QLCL NLS và thủy sản
A	B	C	1	2	3	4	5
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp						
1	Doanh thu	217.126.172.828	42.372.908.864	13.537.603.564	9.146.856.200	24.517.910.538	9.649.282.938
a	Từ Ngân sách nhà nước cấp	215.400.812.700	42.066.695.624	13.513.047.156	9.146.856.200	24.517.910.538	9.615.122.938
b	Từ Nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	0	0	0	0	0	0
c	Từ Nguồn phí được khấu trừ, để lại	1.725.360.128	306.213.240	24.556.408	0	0	34.160.000
2	Chi phí	211.816.435.237	42.241.395.572	13.537.603.564	9.146.856.200	24.517.910.538	9.679.979.172
a	Chi phí hoạt động	210.191.892.167	42.066.695.624	13.513.047.156	9.146.856.200	24.517.910.538	9.615.122.938
b	CP từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	0	0	0	0	0	0
c	Chi phí hoạt động thu phí	1.624.543.070	174.699.948	24.556.408	0	0	64.856.234
3	Thặng dư/thâm hụt	5.309.737.591	131.513.292	0	0	0	-30.696.234
II	Hoạt động SXKD, dịch vụ và tài chính						
1	Doanh thu	9.861.890.609	0	0	0	0	0
2	Chi phí	9.712.944.254	0	0	0	0	0
3	Thặng dư/thâm hụt	148.946.355	0	0	0	0	0
III	Hoạt động tài chính						
1	Doanh thu	46.788.293	3.064.429	0	0	2.755.250	0
2	Chi phí	430.000	0	0	0	0	0
3	Thặng dư/thâm hụt	46.358.293	3.064.429	0	0	2.755.250	0
IV	Hoạt động khác						
1	Doanh thu	7.194.828	0	0	0	0	0
2	Chi phí	8.735.206	0	0	0	0	0
3	Thặng dư/thâm hụt	-1.540.378	0	0	0	0	0
V	Các khoản phải nộp NSNN khác	28.548.248	0	0	0	0	0
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm	5.474.953.613	134.577.721	0	0	2.755.250	-30.696.234
1	Sử dụng KP tiết kiệm của đơn vị hành chính	0	0	0	0	0	0
2	Phân phối cho các quỹ	5.321.568.320	0	0	0	0	0
3	Kinh phí Cải cách tiền lương	713.684.470	146.962.722	0	0	0	0

Chi cục Quản lý đề điều&PCLB	Chi cục Thú y	Chi cục Thủy lợi	VPĐP Nông thôn mới	Trung tâm Khuyến nông	TT NSH và VSM TNT	BQL dự án NN và PTNT	TT tư vấn KT Đ ĐTL	TT giống nông nghiệp
6	7	8	9	10	11	12	13	14
34.636.103.829	41.500.235.768	5.019.430.848	4.684.459.339	15.271.706.075	4.694.497.669	8.033.018.196	0	4.062.159.000
34.636.103.829	40.155.903.740	5.019.430.848	4.684.459.339	15.271.706.075	4.678.399.217	8.033.018.196	0	4.062.159.000
0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	1.344.332.028	0	0	0	16.098.452	0	0	0
34.636.103.829	41.500.235.768	5.019.430.848	4.684.459.339	15.271.706.075	4.317.159.619	3.201.435.713	0	4.062.159.000
34.636.103.829	40.155.903.740	5.019.430.848	4.684.459.339	15.271.706.075	4.301.061.167	3.201.435.713	0	4.062.159.000
0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	1.344.332.028	0	0	0	16.098.452	0	0	0
0	0	0	0	0	377.338.050	4.831.582.483	0	0
	0	0	0	0	0	0	5.536.031.614	4.325.858.995
	0	0	0	0	0	0	5.404.395.013	4.308.549.241
	0	0	0	0	0	0	131.636.601	17.309.754
39.648.494	0	1.880	0	297.289	0	0	1.020.951	0
394.000	0	0	0	36.000	0	0	0	0
39.254.494	0	1.880	0	261.289	0	0	1.020.951	0
0	0	4.828	0	50.000	0	7.140.000	0	0
0	0	0	0	50.000	0	7.140.000	1.545.206	0
0	0	4.828	0	0	0	0	-1.545.206	0
0	0	0	0	0	0	0	26.531.510	2.016.738
39.254.494	0	6.708	0	261.289	377.338.050	4.831.582.483	104.580.836	15.293.016
0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	377.338.050	4.831.582.483	104.580.836	8.066.951
0	566.721.748	0	0	0	0	0	0	0



SỐ LIỆU XÉT DUYỆT
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
Đơn vị: Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
theo Quyết định số 681/QĐ-SNN ngày 09/9/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: đồng

Phần I : TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

[illegible]

[illegible]

[illegible]

VPBP NTM	TT Khuyến nông	NSH&VSMINT	BQLDA NN	TT Giống NN	Trung tâm tư vấn đề điều
Loại 280 khoản 285	Loại 280 khoản 281	Loại 280 khoản 311	Loại 280 khoản 283	Loại 280 khoản 281	
20	21	22	23	24	25
111.953.253	51.985.824	35.700.443	0	0	0
111.953.253	51.985.824	35.700.443	0	0	0
0	0	0	0	0	
111.953.253	51.985.824	35.700.443	0	0	0
0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0
4.437.000.000	16.250.075.000	5.680.701.000	33.000.000.000	4.272.600.000	0
930.000.000	6.280.075.000	1.790.701.000	0	0	0
3.507.000.000	9.970.000.000	3.890.000.000	33.000.000.000	4.272.600.000	0
4.548.953.253	16.302.060.824	5.716.401.443	33.000.000.000	4.272.600.000	0
1.041.953.253	6.332.060.824	1.826.401.443	0	0	0
3.507.000.000	9.970.000.000	3.890.000.000	33.000.000.000	4.272.600.000	0
4.478.676.339	15.612.107.657	5.597.641.973	32.820.817.000	4.062.159.000	0
982.977.933	6.171.050.077	1.826.401.443	0	0	0
3.495.698.406	9.441.057.580	3.771.240.530	32.820.817.000	4.062.159.000	0
4.478.676.339	15.612.107.657	5.597.641.973	32.820.817.000	4.062.159.000	0
982.977.933	6.171.050.077	1.826.401.443	0	0	0
3.495.698.406	9.441.057.580	3.771.240.530	32.820.817.000	4.062.159.000	0
11.301.594	528.942.420	118.759.470	179.183.000	210.441.000	0
0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0

[illegible]

PHẦN II - CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN

Loại	Khoản	Mức	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số					
					Tổng số	Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ	Phí được khấu trừ để lại	Nguồn KP hoạt động được để lại
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
Tổng số					222.559.741.455	220.700.899.193	0	0	1.858.842.262	0
Nguồn kinh phí tự chủ					48.312.202.202	46.453.359.940	0	0	1.858.842.262	0
	6000			Tiền lương	23.489.730.581	22.625.463.878	0	0	864.266.703	0
				6001 Lương theo ngạch, bậc	23.489.730.581	22.625.463.878			864.266.703	
	6050			Tiền công trả cho vị trí lao động th/uyên theo h/đồng	807.463.200	807.463.200	0	0	0	0
				6051 Tiền công trả cho vị trí l/động th/xuyên theo h/đồng	807.463.200	807.463.200			0	
	6100			Phụ cấp lương	5.571.157.066	5.167.180.007	0	0	403.977.059	0
				6101 Phụ cấp chức vụ	871.351.400	871.351.400			0	
				6105 Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	446.459.114	42.482.055			403.977.059	
				6112 Phụ cấp ưu đãi nghề	874.683.047	874.683.047			0	
				6113 PC trách nhiệm theo nghề, theo công việc	43.056.000	43.056.000			0	
				6115 Phụ cấp thâm niên vượt khung; PC thâm niên nghề	334.208.280	334.208.280			0	
				6116 Phụ cấp đặc biệt khác ngành	244.264.680	244.264.680			0	
				6117 Phụ cấp thâm niên vượt khung	0	0			0	
				6124 Phụ cấp công vụ	2.649.008.140	2.649.008.140			0	
				6149 Phụ cấp khác	108.126.405	108.126.405			0	
	6200			Tiền thưởng	64.734.000	64.734.000	0	0	0	0
				6201 Thưởng thường xuyên	17.634.000	17.634.000			0	
				6249 Khác	47.100.000	47.100.000			0	
	6250			Phúc lợi tập thể	2.730.009.000	2.730.009.000	0	0	0	0
				6253 Tiền tàu xe nghỉ phép năm	0	0			0	
				6299 Chi khác	2.730.009.000	2.730.009.000			0	
	6300			Các khoản đóng góp	5.773.330.956	5.741.758.756	0	0	31.572.200	0
				6301 Bảo hiểm xã hội	4.451.890.005	4.420.317.805			31.572.200	

	6302	Bảo hiểm y tế	761.354.032	761.354.032				0	
	6303	Kinh phí công đoàn	508.164.393	508.164.393				0	
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	51.922.526	51.922.526				0	
	6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	3.844.537.167	3.632.688.657	0	0	211.848.510	0	
	6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	2.967.493.605	2.755.645.095			211.848.510		
	6449	Chi khác	877.043.562	877.043.562			0		
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	1.050.343.481	1.037.859.491	0	0	12.483.990	0	
	6501	Tiền điện	536.763.290	536.763.290			0		
	6502	Tiền nước	43.839.098	43.839.098			0		
	6503	Tiền nhiên liệu	454.175.993	441.692.003			12.483.990		
	6504	Tiền vé sinh, môi trường	15.565.100	15.565.100			0		
	6550	Vật tư văn phòng	731.889.058	638.132.308	0	0	93.756.750	0	
	6551	Văn phòng phẩm	471.291.140	382.814.268			88.476.872		
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	53.962.278	51.557.000			2.405.278		
	6553	Khoản văn phòng phẩm	25.329.500	25.329.500			0		
	6599	Vật tư văn phòng khác	181.306.140	178.431.540			2.874.600		
	6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	322.744.486	322.744.486	0	0	0	0	
	6601	Cước phí điện thoại; thuê bao; fax	41.059.386	41.059.386			0		
	6603	Cước phí bưu chính	56.601.229	56.601.229			0		
	6605	Cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	131.032.352	131.032.352			0		
	6606	Tuyên truyền; quảng cáo	10.324.000	10.324.000			0		
	6608	Sách, báo, tạp chí thư viện	61.555.600	61.555.600			0		
	6618	Khoản điện thoại	20.601.221	20.601.221			0		
	6649	Khác	1.570.698	1.570.698			0		
	6650	Hội nghị	78.197.106	77.458.586	0	0	738.520	0	
	6651	In, mua tài liệu	9.420.812	9.420.812			0		
	6652	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	0	0			0		
	6655	Thuê hội trường, phương tiện vận chuyển	0	0			0		
	6657	Các khoản thuê mướn khác	1.000.000	1.000.000			0		
	6658	Chi bù tiền ăn	7.200.000	7.200.000			0		
	6699	Chi phí khác	60.576.294	59.837.774			738.520		

	7750	Chi khác	1.173.707.201	1.164.492.201	0	0	9.215.000	0
	7756	Các khoản phí và lệ phí	47.040.365	47.040.365			0	0
	7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	49.795.900	49.795.900			0	0
	7761	Chi tiếp khách	208.748.400	199.533.400			9.215.000	
	7799	Chi các khoản khác	868.122.536	868.122.536			0	
	7850	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở	88.830.000	88.830.000	0	0	0	0
	7851	Chi mua báo, tạp chí của Đảng	0	0			0	
	7854	Các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	88.830.000	88.830.000			0	
	7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi	0	0	0	0	0	0
	7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	0	0			0	
	8000	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	0	0	0	0	0	0
	8049	Chi hỗ trợ khác	0	0			0	
Nguồn kinh phí không tự chủ			174.247.539.253	174.247.539.253	0	0	0	0
	6100	Phụ cấp lương	2.461.546.809	2.461.546.809	0	0	0	0
	6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	2.461.546.809	2.461.546.809			0	
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	216.129.840	216.129.840	0	0	0	0
	6501	Tiền điện	22.646.640	22.646.640			0	
	6502	Tiền nước	1.092.497	1.092.497			0	
	6503	Tiền nhiên liệu	191.475.203	191.475.203			0	
	6504	Tiền vệ sinh, môi trường	915.500	915.500			0	
	6550	Vật tư văn phòng	903.009.750	903.009.750	0	0	0	0
	6551	Văn phòng phẩm	254.476.018	254.476.018			0	
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	567.982.000	567.982.000			0	
	6599	Vật tư văn phòng khác	80.551.732	80.551.732			0	
	6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	2.008.540.738	2.008.540.738	0	0	0	0
	6601	Cước phí điện thoại; thuê bao; fax	67.399.997	67.399.997			0	
	6603	Cước phí bưu chính	57.837.241	57.837.241			0	
	6605	Cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	7.608.000	7.608.000			0	
	6606	Tuyên truyền; quảng cáo	1.844.540.500	1.844.540.500			0	
	6608	Sách, báo, tạp chí thư viện	30.000.000	30.000.000			0	
	6649	Khác	1.155.000	1.155.000			0	

6650	Hội nghị	12.688.319.566	12.688.319.566	0	0	0	0
	In, mua tài liệu	1.251.158.476	1.251.158.476				0
	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	323.500.000	323.500.000				0
	Tiền vé máy bay, tàu xe	0	0				0
	Tiền thuê phòng ngủ	56.892.000	56.892.000				0
	Thuế hội trường, phương tiện vận chuyển	751.931.872	751.931.872				0
	Các khoản thuê mướn khác	864.646.800	864.646.800				0
	Chi bù tiền ăn	410.716.500	410.716.500				0
	Chi phí khác	9.029.473.918	9.029.473.918				0
6700	Công tác phí	637.786.000	637.786.000	0	0	0	0
	Tiền vé máy bay, tàu, xe	49.360.000	49.360.000				0
	Phụ cấp công tác phí	329.910.000	329.910.000				0
	Tiền thuê phòng ngủ	218.322.000	218.322.000				0
	Chi khác	40.194.000	40.194.000				0
6750	Chi phí thuê mướn	5.368.932.776	5.368.932.776	0	0	0	0
	Thuê phương tiện vận chuyển	1.782.855.854	1.782.855.854				0
	Thuê nhà; thuê đất	210.000.000	210.000.000				0
	Thuê chuyên gia và giảng viên trong nước	137.150.000	137.150.000				0
	Thuê lao động trong nước	918.527.200	918.527.200				0
	Chi phí thuê mướn khác	2.320.399.722	2.320.399.722				0
6800	Chi đoàn ra	0	0	0	0	0	0
	Chi khác	0	0				0
6850	Chi đoàn vào	0	0	0	0	0	0
	Tiền ăn và tiền tiêu vật	0	0				0
	Chi khác	0	0				0
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác ch/môn	51.661.825.874	51.661.825.874	0	0	0	0
	Ô tô dùng chung	0	0				0
	Ô tô phục vụ chức danh	359.915.000	359.915.000				0
	Nhà cửa	1.842.435.000	1.842.435.000				0
	Các thiết bị công nghệ thông tin	115.339.000	115.339.000				0
	Tài sản và thiết bị văn phòng	0	0				0

		6922	Đường sá, cầu cống, bến cảng, sân bay	42.272.800.000	42.272.800.000				0	
		6923	Đê điều, hồ đập, kênh mương	4.173.975.534	4.173.975.534				0	
		6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	2.897.361.340	2.897.361.340				0	
	6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	1.407.519.000	1.407.519.000	0	0		0	0
		6954	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	824.019.000	824.019.000				0	
		6955	Tài sản và thiết bị văn phòng	164.700.000	164.700.000				0	
		6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	283.000.000	283.000.000				0	
		6999	Tài sản và thiết bị khác	135.800.000	135.800.000				0	
	7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	90.083.800.269	90.083.800.269	0	0		0	0
		7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	40.433.259.192	40.433.259.192				0	
		7004	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	596.635.470	596.635.470				0	
		7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	2.216.073.500	2.216.073.500				0	
		7049	Chi khác	46.837.832.107	46.837.832.107				0	
	7050		Mua sắm tài sản vô hình	290.000.000	290.000.000	0	0		0	0
		7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	261.000.000	261.000.000				0	
		7099	Chi khác	29.000.000	29.000.000				0	
	7100		Chi hỗ trợ kinh tế tập thể và dân cư	29.000.000	29.000.000	0	0		0	0
		7149	Chi khác	29.000.000	29.000.000				0	
	7750		Chi khác	6.491.128.631	6.491.128.631	0	0		0	0
		7756	Các khoản phí và lệ phí	262.629.071	262.629.071				0	
		7761	Chi tiếp khách	275.449.868	275.449.868				0	
		7799	Chi các khoản khác	5.953.049.692	5.953.049.692				0	
	8150		Chi quy hoạch	0	0	0	0		0	0
		8199	Chi khác	0	0				0	

Cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT			Chi cục Bảo vệ thực vật			Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Phát triển nông thôn	
Tổng số	Nguồn NSNN Ngân sách trong nước	Phí được khấu trừ để lại	Tổng số	Nguồn NSNN Ngân sách trong nước	Phí được khấu trừ để lại	Tổng số	Nguồn NSNN Ngân sách trong nước	Tổng số	Nguồn NSNN Ngân sách trong nước
7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
40.841.492.872	40.535.279.632	306.213.240	12.661.446.258	12.567.421.850	94.024.408	9.562.518.952	9.562.518.952	24.690.933.701	24.690.933.701
7.069.735.937	6.763.522.697	306.213.240	7.791.399.408	7.697.375.000	94.024.408	2.237.035.000	2.237.035.000	2.663.423.500	2.663.423.500
3.191.303.443	3.044.340.721	146.962.722	4.038.731.004	3.969.263.004	69.468.000	994.119.000	994.119.000	1.172.192.901	1.172.192.901
3.191.303.443	3.044.340.721	146.962.722	4.038.731.004	3.969.263.004	69.468.000	994.119.000	994.119.000	1.172.192.901	1.172.192.901
128.782.800	128.782.800	0	72.000.000	72.000.000	0	0	0	77.566.800	77.566.800
128.782.800	128.782.800		72.000.000	72.000.000		0		77.566.800	77.566.800
1.306.474.229	1.190.676.661	115.797.568	730.302.378	730.302.378	0	547.872.974	547.872.974	398.200.523	398.200.523
173.501.000	173.501.000		131.811.000	131.811.000		31.584.000	31.584.000	53.298.000	53.298.000
115.797.568		115.797.568	9.989.000	9.989.000		0		21.259.000	21.259.000
0			324.998.289	324.998.289		102.052.435	102.052.435	0	
5.922.000	5.922.000		3.948.000	3.948.000		1.974.000	1.974.000	5.922.000	5.922.000
69.930.938	69.930.938		23.533.044	23.533.044		151.121.251	151.121.251	9.079.038	9.079.038
0			0	0		0		0	
0			0	0		0		0	
846.619.518	846.619.518		236.023.045	236.023.045		261.141.288	261.141.288	308.642.485	308.642.485
94.703.205	94.703.205		0	0		0		0	
24.900.000	24.900.000	0	0	0	0	0	0	0	0
0			0	0		0		0	
24.900.000	24.900.000		0	0		0		0	
363.000.000	363.000.000	0	526.000.000	526.000.000	0	99.000.000	99.000.000	157.559.000	157.559.000
0			0	0		0		0	
363.000.000	363.000.000		526.000.000	526.000.000		99.000.000	99.000.000	157.559.000	157.559.000
799.862.640	799.862.640	0	956.443.264	956.443.264	0	264.738.537	264.738.537	291.686.207	291.686.207
620.938.683	620.938.683		743.025.896	743.025.896		205.944.244	205.944.244	226.406.752	226.406.752

106,675.160	106,675.160		127,375.866	127,375.866		35,304.729	35,304.729	38,812.579	38,812.579
71,116.969	71,116.969		85,321.502	85,321.502		23,489.564	23,489.564	25,875.048	25,875.048
1,131.828	1,131.828		720,000	720,000		0		591.828	591.828
238,008.255	238,008.255	0	521,965.726	521,965.726	0	155,960.756	155,960.756	268,758.332	268,758.332
0			521,965.726	521,965.726		155,960.756	155,960.756	268,758.332	268,758.332
238,008.255	238,008.255		0			0		0	
248,945.680	248,945.680	0	101,868.851	101,868.851	0	33,674.153	33,674.153	79,439.532	79,439.532
95,192.735	95,192.735		58,777.851	58,777.851		21,528.233	21,528.233	29,922.269	29,922.269
8,807.250	8,807.250		7,625.600	7,625.600		1,854.400	1,854.400	2,070.000	2,070.000
143,114.495	143,114.495		31,803.000	31,803.000		8,460.320	8,460.320	45,616.063	45,616.063
1,831.200	1,831.200		3,662.400	3,662.400		1,831.200	1,831.200	1,831.200	1,831.200
148,279.533	104,826.583	43,452.950	119,231.710	119,231.710	0	6,933.780	6,933.780	31,174.550	31,174.550
120,014.749	76,561.799	43,452.950	76,384.936	76,384.936		6,933.780	6,933.780	20,841.070	20,841.070
0			0			0		4,000.000	4,000.000
0			0			0		0	
28,264.784	28,264.784		42,846.774	42,846.774		0		6,333.480	6,333.480
53,194.362	53,194.362	0	97,444.106	97,444.106	0	3,564.000	3,564.000	10,881.101	10,881.101
7,277.693	7,277.693		6,739.406	6,739.406		264.000	264.000	1,814.344	1,814.344
9,928.571	9,928.571		34,912.400	34,912.400		0		22,680	22,680
5,204.000	5,204.000		23,436.000	23,436.000		3,300.000	3,300.000	4,123.856	4,123.856
0			10,000.000	10,000.000		0		0	
22,133.400	22,133.400		22,356.300	22,356.300		0		399,000	399,000
7,080.000	7,080.000		0			0		4,521.221	4,521.221
1,570.698	1,570.698		0			0		0	
3,254.000	3,254.000	0	2,360.000	2,360.000	0	0	0	1,040.000	1,040.000
828.000	828.000		0			0		0	
0			0			0		0	
0			0			0		0	
0			0			0		0	
0			0			0		0	
2,426.000	2,426.000		2,360.000	2,360.000		0		1,040.000	1,040.000

238.200.000	238.200.000	0	300.830.000	300.830.000	0	75.763.000	75.763.000	46.767.760	46.767.760
0			0			663.000	663.000	154.000	154.000
18.650.000	18.650.000		16.900.000	16.900.000		3.400.000	3.400.000	4.200.000	4.200.000
2.000.000	2.000.000		16.400.000	16.400.000		1.400.000	1.400.000	3.300.000	3.300.000
212.550.000	212.550.000		264.590.000	264.590.000		68.800.000	68.800.000	38.100.000	38.100.000
5.000.000	5.000.000		2.940.000	2.940.000		1.500.000	1.500.000	1.013.760	1.013.760
48.820.000	48.820.000	0	87.671.281	87.671.281	0	24.000.000	24.000.000	33.590.000	33.590.000
0			0			0	0	0	0
46.800.000	46.800.000		58.500.000	58.500.000		24.000.000	24.000.000	20.000.000	20.000.000
2.020.000	2.020.000		29.171.281	29.171.281		0	0	13.590.000	13.590.000
0	0	0	36.919.000	36.919.000	0	4.720.000	4.720.000	29.900.000	29.900.000
0			0			0	0	0	0
0			0			1.100.000	1.100.000	15.750.000	15.750.000
0			0			0	0	0	0
0			0			0	0	0	0
0			0			0	0	0	0
0			0			0	0	0	0
0			26.680.000	26.680.000		0	0	5.820.000	5.820.000
0			8.980.000	8.980.000		3.620.000	3.620.000	8.330.000	8.330.000
0			1.259.000	1.259.000		0	0	0	0
0			0			0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0			0			0	0	0	0
0			0			0	0	0	0
0			0			0	0	0	0
0	0	0	67.637.860	43.081.452	24.556.408	0	0	0	0
0			32.437.060	28.456.452	3.980.608	0	0	0	0
0			13.985.000	13.985.000		0	0	0	0
0			0			0	0	0	0
0			21.215.800	640.000	20.575.800	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0			0			0	0	0	0

187,880.995	187,880.995	0	131,994.228	131,994.228	0	26,688.800	26,688.800	64,666.794	64,666.794
8,564.455	8,564.455		5,959.000	5,959.000		5,910.400	5,910.400	3,305.400	3,305.400
7,261.400	7,261.400		7,265.700	7,265.700		873.400	873.400	873.400	873.400
0			0			3,300.000	3,300.000	27,730.000	27,730.000
172,055.140	172,055.140		118,769.528	118,769.528		16,605.000	16,605.000	32,757.994	32,757.994
88,830.000	88,830.000	0	0	0	0	0	0	0	0
0			0			0		0	
88,830.000	88,830.000	0	0	0	0	0	0	0	0
0			0			0		0	
0			0			0		0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0			0			0		0	
33,771.756,935	33,771.756,935	0	4,870,046.850	4,870,046.850	0	7,325,483.952	7,325,483.952	22,027,510.201	22,027,510.201
337,520.613	337,520.613	0	485,760.000	485,760.000	0	169,502.800	169,502.800	76,551.270	76,551.270
337,520.613	337,520.613		485,760.000	485,760.000		169,502.800	169,502.800	76,551.270	76,551.270
0	0	0	0	0	0	23,867.340	23,867.340	16,685.140	16,685.140
0			0			0		0	
0			0			0		0	
0			0			23,867.340	23,867.340	16,685.140	16,685.140
0			0			0		0	
257,273.920	257,273.920	0	99,000.000	99,000.000	0	98,802.000	98,802.000	20,000.000	20,000.000
152,502.188	152,502.188		0			0		0	
60,620.000	60,620.000		99,000.000	99,000.000		98,802.000	98,802.000	20,000.000	20,000.000
44,151.732	44,151.732		0			0		0	
491,293.000	491,293.000	0	145,030.000	145,030.000	0	57,900.000	57,900.000	0	0
0			0			0		0	
20,394.500	20,394.500		280.000	280.000		0		0	
0			0			0		0	
470,898.500	470,898.500		144,750.000	144,750.000		57,900.000	57,900.000	0	0
0			0			0		0	
0			0			0		0	

5,250.108.017	5,250.108.017	0	978.671.278	978.671.278	0	209.177.860	209.177.860	1,527.476.991	1,527.476.991
586.033.705	586.033.705		78.341.750	78.341.750		15.804.600	15.804.600	132.797.573	132.797.573
194.200.000	194.200.000		0	0		10.000.000	10.000.000	74.600.000	74.600.000
0	0		0	0		0	0	0	0
56.892.000	56.892.000		0	0		0	0	0	0
354.418.072	354.418.072		6.425.500	6.425.500		5.976.000	5.976.000	25.378.000	25.378.000
401.265.800	401.265.800		2.000.000	2.000.000		0	0	55.792.000	55.792.000
50.910.000	50.910.000		0	0		0	0	0	0
3.606.388.440	3.606.388.440		891.904.028	891.904.028		177.397.260	177.397.260	1.238.909.418	1.238.909.418
400.234.000	400.234.000	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0		0	0		0	0	0	0
248.970.000	248.970.000		0	0		0	0	0	0
121.960.000	121.960.000		0	0		0	0	0	0
29.304.000	29.304.000		0	0		0	0	0	0
1,917.102.306	1,917.102.306	0	136.857.950	136.857.950	0	129.489.800	129.489.800	52.329.000	52.329.000
807.675.934	807.675.934		52.775.600	52.775.600		36.652.800	36.652.800	51.329.000	51.329.000
0	0		60.000.000	60.000.000		0	0	0	0
48.000.000	48.000.000		0	0		0	0	0	0
0	0		0	0		0	0	0	0
1.061.426.372	1.061.426.372		24.082.350	24.082.350		92.837.000	92.837.000	1.000.000	1.000.000
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0		0	0		0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0		0	0		0	0	0	0
0	0		0	0		0	0	0	0
538.497.000	538.497.000	0	540.000.000	540.000.000	0	540.000.000	540.000.000	9.899.418.000	9.899.418.000
0	0		0	0		0	0	0	0
0	0		90.000.000	90.000.000		90.000.000	90.000.000	0	0
0	0		450.000.000	450.000.000		0	0	447.435.000	447.435.000
100.439.000	100.439.000		0	0		0	0	0	0
0	0		0	0		0	0	0	0

0			0			0		9 451 983 000	9 451 983 000
0			0			0		0	
438 058 000	438 058 000		0			450 000 000	450 000 000	0	
82 900 000	82 900 000	0	100 500 000	100 500 000	0	133 700 000	133 700 000	29 800 000	29 800 000
0			0			0		0	
0			26 000 000	26 000 000		89 000 000	89 000 000	29 800 000	29 800 000
44 600 000	44 600 000		74 500 000	74 500 000		44 700 000	44 700 000	0	
38 300 000	38 300 000		0			0		0	
24 216 412 511	24 216 412 511	0	2 355 227 622	2 355 227 622	0	47 972 000	47 972 000	10 376 249 800	10 376 249 800
1 696 880 294	1 696 880 294		1 320 003 622	1 320 003 622		0		0	
48 589 270	48 589 270		30 000 000	30 000 000		39 972 000	39 972 000	0	
0			30 000 000	30 000 000		0		0	
22 470 942 947	22 470 942 947		975 224 000	975 224 000		8 000 000	8 000 000	10 376 249 800	10 376 249 800
29 000 000	29 000 000	0	29 000 000	29 000 000	0	29 000 000	29 000 000	29 000 000	29 000 000
0			29 000 000	29 000 000		29 000 000	29 000 000	0	
0		0	0	0	0	0	0	0	0
0			0			0		0	
251 415 568	251 415 568	0	0	0	0	5 886 072 152	5 886 072 152	0	0
7 000 000	7 000 000		0			0		0	
193 442 028	193 442 028		0			0		0	
50 973 540	50 973 540		0			5 886 072 152	5 886 072 152	0	
0		0	0	0	0	0	0	0	0
0			0			0		0	

Chi cục QLCL Nông lâm sản&thủy sản				Chi cục QLDD và PCLB		Chi cục Thú y			Chi cục Thủy lợi	
Tổng số	Nguồn NSNN Ngân sách trong nước	Phí được khấu trừ để lại	Tổng số	Nguồn NSNN Ngân sách trong nước	Tổng số	Tổng số	Nguồn NSNN Ngân sách trong nước	Phí được khấu trừ để lại	Tổng số	Nguồn NSNN Ngân sách trong nước
17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
9.529.225.922	9.464.369.688	64.856.234	13.397.472.321	13.397.472.321	44.108.280.003	42.756.021.463	1.352.258.540	5.155.479.617	5.155.479.617	
1.761.856.234	1.697.000.000	64.856.234	5.997.722.990	5.997.722.990	9.917.661.880	8.565.403.340	1.352.258.540	1.851.447.960	1.851.447.960	
787.876.833	739.856.712	48.020.121	2.809.276.200	2.809.276.200	4.829.084.600	4.259.313.392	569.771.208	862.909.100	862.909.100	
787.876.833	739.856.712	48.020.121	2.809.276.200	2.809.276.200	4.829.084.600	4.259.313.392	569.771.208	862.909.100	862.909.100	
63.000.000	63.000.000	0	184.800.000	184.800.000	97.800.000	97.800.000	0	65.940.000	65.940.000	
63.000.000	63.000.000		184.800.000	184.800.000	97.800.000	97.800.000		65.940.000	65.940.000	
241.084.872	228.110.049	12.974.823	565.134.293	565.134.293	1.137.724.854	868.661.554	269.063.300	270.825.275	270.825.275	
36.828.000	36.828.000		61.244.000	61.244.000	138.652.000	138.652.000		40.920.000	40.920.000	
24.208.878	11.234.055	12.974.823	0		269.063.300		269.063.300	0	0	
0			0		447.632.323	447.632.323		0	0	
3.576.000	3.576.000		3.948.000	3.948.000	5.922.000	5.922.000		3.948.000	3.948.000	
0			30.377.471	30.377.471	30.094.638	30.094.638		0	0	
0			244.264.680	244.264.680	0			0	0	
0			0		0			0	0	
176.471.994	176.471.994		225.300.142	225.300.142	246.360.593	246.360.593		225.957.275	225.957.275	
0			0		0	0		0	0	
894.000	894.000	0	22.200.000	22.200.000	0	0	0	0	0	
894.000	894.000		0		0			0	0	
0			22.200.000	22.200.000	0	0		0	0	
190.350.000	190.350.000	0	467.660.000	467.660.000	392.600.000	392.600.000	0	145.000.000	145.000.000	
0			0		0			0	0	
190.350.000	190.350.000		467.660.000	467.660.000	392.600.000	392.600.000		145.000.000	145.000.000	
169.062.984	169.062.984	0	696.145.581	696.145.581	1.174.061.903	1.142.489.703	31.572.200	215.755.455	215.755.455	
126.750.204	126.750.204		539.997.092	539.997.092	919.580.224	888.008.024	31.572.200	167.399.600	167.399.600	

25.085.268	25.085.268		92.570.928	92.570.928	152.229.986	152.229.986		28.697.073	28.697.073
16.723.512	16.723.512		61.729.561	61.729.561	101.486.693	101.486.693		19.131.382	19.131.382
504.000	504.000		1.848.000	1.848.000	765.000	765.000		527.400	527.400
73.376.364	73.376.364	0	639.035.307	639.035.307	852.679.498	640.830.988	211.848.510	55.243.482	55.243.482
73.376.364	73.376.364		0		852.679.498	640.830.988	211.848.510	55.243.482	55.243.482
0			639.035.307	639.035.307	0			0	
109.291.882	106.985.192	2.306.690	89.064.024	89.064.024	152.652.927	142.475.627	10.177.300	78.190.843	78.190.843
31.102.000	31.102.000		49.370.806	49.370.806	121.583.852	121.583.852		32.251.000	32.251.000
2.391.000	2.391.000		2.650.938	2.650.938	3.033.125	3.033.125		2.472.000	2.472.000
75.798.882	73.492.192	2.306.690	36.126.780	36.126.780	26.204.750	16.027.450	10.177.300	43.467.843	43.467.843
0			915.500	915.500	1.831.200	1.831.200		0	
35.370.690	33.816.090	1.554.600	81.239.211	81.239.211	213.250.166	169.804.786	43.445.380	21.483.510	21.483.510
19.766.090	19.766.090		17.851.809	17.851.809	143.130.166	103.084.786	40.045.380	16.853.510	16.853.510
2.290.000	2.290.000		0		36.783.000	34.703.000	2.080.000	0	
0			25.329.500	25.329.500	0			0	
13.314.600	11.760.000	1.554.600	38.057.902	38.057.902	33.337.000	32.017.000	1.320.000	4.630.000	4.630.000
6.613.564	6.613.564	0	32.768.774	32.768.774	49.750.739	49.750.739	0	6.077.244	6.077.244
818.564	818.564		4.629.796	4.629.796	5.799.342	5.799.342		1.444.244	1.444.244
689.000	689.000		1.897.978	1.897.978	8.620.300	8.620.300		0	
4.620.000	4.620.000		25.449.000	25.449.000	29.948.997	29.948.997		4.633.000	4.633.000
324.000	324.000		0		0			0	
162.000	162.000		792.000	792.000	5.382.100	5.382.100		0	
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0	0	0	0	0	60.584.786	59.846.266	738.520	0	0
0			0		8.592.812	8.592.812		0	
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0			0		51.991.974	51.253.454	738.520	0	

19.896.000	19.896.000	0	220.750.000	220.750.000	127.750.000	126.850.000	900.000	64.388.920	64.388.920
10.000.000	10.000.000		0		4.700.000	4.700.000		0	
5.800.000	5.800.000		4.600.000	4.600.000	6.150.000	5.250.000	900.000	3.300.000	3.300.000
4.096.000	4.096.000		4.200.000	4.200.000	2.000.000	2.000.000		0	
0			211.950.000	211.950.000	114.900.000	114.900.000		54.500.000	54.500.000
0			0	0				6.588.920	6.588.920
15.000.000	15.000.000	0	59.863.000	59.863.000	269.700.711	194.480.571	75.220.140	18.381.696	18.381.696
0			0		9.200.000		9.200.000	0	
15.000.000	15.000.000		40.800.000	40.800.000	141.600.000	141.600.000		18.000.000	18.000.000
0			19.063.000	19.063.000	118.900.711	52.880.571	66.020.140	381.696	381.696
15.180.000	15.180.000	0	0	0	138.473.910	122.198.910	16.275.000	6.400.000	6.400.000
0			0		10.152.000	10.152.000		0	
15.180.000	15.180.000		0		0			0	
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0			0		54.624.300	39.399.300	15.225.000	6.400.000	6.400.000
0			0		24.175.200	23.125.200	1.050.000	0	
0			0		19.328.410	19.328.410		0	
0			0		30.194.000	30.194.000		0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0	0	0	33.600.000	33.600.000	114.031.982	0	114.031.982	0	0
0			0		86.371.982		86.371.982	0	
0			33.600.000	33.600.000	0			0	
0			0		0			0	
0			0		27.660.000		27.660.000	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0			0		0			0	

34.859.045	34.859.045	0	96.186.600	96.186.600	307.515.804	298.300.804	9.215.000	40.852.435	40.852.435
5.405.355	5.405.355		4.530.000	4.530.000	5.282.900	5.282.900		4.109.855	4.109.855
5.715.500	5.715.500		12.122.400	12.122.400	7.230.700	7.230.700		480.700	480.700
0			10.200.000	10.200.000	161.256.200	152.041.200	9.215.000	0	
23.738.190	23.738.190		69.334.200	69.334.200	133.746.004	133.746.004		36.261.880	36.261.880
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7.767.369.688	7.767.369.688	0	7.399.749.331	7.399.749.331	34.190.618.123	34.190.618.123	0	3.304.031.657	3.304.031.657
23.110.000	23.110.000	0	638.346.000	638.346.000	12.188.500	12.188.500	0	135.256.536	135.256.536
23.110.000	23.110.000		638.346.000	638.346.000	12.188.500	12.188.500		135.256.536	135.256.536
0	0	0	38.779.129	38.779.129	0	0	0	47.582.011	47.582.011
0			22.646.640	22.646.640	0			0	
0			1.092.497	1.092.497	0			0	
0			14.124.492	14.124.492	0			47.582.011	47.582.011
0			915.500	915.500	0			0	
17.612.000	17.612.000	0	50.307.130	50.307.130	185.150.000	185.150.000	0	37.000.000	37.000.000
17.612.000	17.612.000		13.907.130	13.907.130	0			0	
0			0		185.150.000	185.150.000		37.000.000	37.000.000
0			36.400.000	36.400.000	0			0	
187.544.000	187.544.000	0	109.032.638	109.032.638	1.155.000	1.155.000	0	14.850.000	14.850.000
0			67.399.997	67.399.997	0			0	
0			34.024.641	34.024.641	0			0	
0			7.608.000	7.608.000	0			0	
157.544.000	157.544.000		0		0			14.850.000	14.850.000
30.000.000	30.000.000		0		0			0	
0			0		1.155.000	1.155.000		0	

1.735.118.782	1.735.118.782	0	6.316.000	401.173.842	6.316.000	401.173.842	0	95.720.000	95.720.000
130.215.752	130.215.752		2.856.000	12.552.176	2.856.000	12.552.176		13.560.000	13.560.000
6.900.000	6.900.000		0	0	0	0		9.600.000	9.600.000
0			0	0	0	0		0	
0			0	0	0	0		0	
169.383.200	169.383.200		0	35.640.000	0	35.640.000		7.250.000	7.250.000
171.508.000	171.508.000		0	0	0	0		0	
0			0	0	0	0		0	
1.257.111.830	1.257.111.830		3.460.000	352.981.666	3.460.000	352.981.666		65.310.000	65.310.000
54.990.000	54.990.000	0	74.110.000	2.550.000	74.110.000	2.550.000	0	6.090.000	6.090.000
0			49.360.000	0	49.360.000	0		0	
14.700.000	14.700.000		10.200.000	2.550.000	10.200.000	2.550.000		6.090.000	6.090.000
29.400.000	29.400.000		14.550.000	0	14.550.000	0		0	
10.890.000	10.890.000		0	0	0	0		0	
1.263.818.000	1.263.818.000	0	268.389.200	207.514.000	268.389.200	207.514.000	0	37.131.800	37.131.800
203.522.000	203.522.000		4.400.000	109.514.000	4.400.000	109.514.000		23.060.800	23.060.800
0			0	90.000.000	0	90.000.000		0	
0			0	0	0	0		0	
0			263.527.200	0	263.527.200	0		0	
1.060.296.000	1.060.296.000		462.000	8.000.000	462.000	8.000.000		14.071.000	14.071.000
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0			0	0	0	0		0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0			0	0	0	0		0	
0			0	0	0	0		0	
0			0	0	0	0		0	
0	0	0	5.741.979.534	495.000.000	5.741.979.534	495.000.000	0	89.915.000	89.915.000
0			0	0	0	0		0	
0			0	0	0	0		89.915.000	89.915.000
0			0	495.000.000	0	495.000.000		0	
0			0	0	0	0		0	
0			0	0	0	0		0	

0				0		0		0	
0			4.173.975.534	4.173.975.534	0			0	
0			1.568.004.000	1.568.004.000	0			0	
0	0	0	0	0	115.900.000	115.900.000	0	112.550.000	112.550.000
0			0		58.400.000	58.400.000		0	
0			0		0			12.950.000	12.950.000
0			0		0			59.600.000	59.600.000
0			0		0			40.000.000	40.000.000
0			0		57.500.000	57.500.000			
4.456.176.906	4.456.176.906	0	443.489.700	443.489.700	32.496.410.610	32.496.410.610	0	2.698.936.310	2.698.936.310
744.071.906	744.071.906		0		29.286.287.950	29.286.287.950		0	
25.000.000	25.000.000		75.575.200	75.575.200	358.340.000	358.340.000		19.159.000	19.159.000
0			359.914.500	359.914.500	0			0	
3.687.105.000	3.687.105.000		8.000.000	8.000.000	2.851.782.660	2.851.782.660		2.679.777.310	2.679.777.310
29.000.000	29.000.000	0	0	0	29.000.000	29.000.000	0	29.000.000	29.000.000
0			0		0			0	
0	0	0	29.000.000	29.000.000	0	0	0	0	0
0			29.000.000	29.000.000	0			0	
0	0	0	0	0	244.576.171	244.576.171	0	0	0
0			0		244.576.171	244.576.171		0	
0			0		0			0	
0			0		0			0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0			0		0			0	

VPĐP Nông thôn mới			Trung tâm Khuyến nông			Trung tâm NSH và VSMT NT				BQLDA ĐTXD CT NN&PTNT			Trung tâm Giống NN		
Tổng số	Nguồn NSNN		Tổng số	Nguồn NSNN		Phí được khấu trừ để lại	Tổng số	Nguồn NSNN		Tổng số	Nguồn NSNN		Tổng số	Nguồn NSNN	
	Ngân sách trong nước			Ngân sách trong nước				Ngân sách trong nước			Ngân sách trong nước				
27	28		29	30		31	32		33	34	35		36		37
4.478.676.339	4.478.676.339		#####	#####		5.639.131.813	5.597.641.973		41.489.840	32.820.817.000	32.820.817.000		4.062.159.000		4.062.159.000
982.977.933	982.977.933		6.171.050.077	6.171.050.077		1.867.891.283	1.826.401.443		41.489.840	0	0		0		0
464.305.200	464.305.200		3.430.147.800	3.430.147.800		909.784.500	879.739.848		30.044.652	0	0		0		0
464.305.200	464.305.200		3.430.147.800	3.430.147.800		909.784.500	879.739.848		30.044.652	0			0		
0	0		60.000.000	60.000.000		57.573.600	57.573.600		0	0	0		0		0
0			60.000.000	60.000.000		57.573.600	57.573.600			0			0		
163.551.000	163.551.000		160.417.300	160.417.300		49.569.368	43.428.000		6.141.368	0	0		0		0
25.662.000	25.662.000		138.371.400	138.371.400		39.480.000	39.480.000			0	0		0		
0			0			6.141.368			6.141.368	0			0		
0			0			0				0			0		
1.974.000	1.974.000		1.974.000	1.974.000		3.948.000	3.948.000			0	0		0		
0			20.071.900	20.071.900		0				0			0		
0			0			0				0			0		
0			0			0				0			0		
122.491.800	122.491.800		0			0				0			0		
13.423.200	13.423.200		0			0				0			0		
16.740.000	16.740.000		0			0			0	0	0		0		0
16.740.000	16.740.000		0			0				0			0		
0			0			0				0			0		
36.840.000	36.840.000		253.500.000	253.500.000		98.500.000	98.500.000		0	0	0		0		0
0			0			0				0			0		
36.840.000	36.840.000		253.500.000	253.500.000		98.500.000	98.500.000			0			0		
110.242.621	110.242.621		858.596.300	858.596.300		236.735.464	236.735.464		0	0	0		0		0
85.744.261	85.744.261		639.214.600	639.214.600		176.888.449	176.888.449			0			0		0

14,699,016	14,699,016	109,579,700	109,579,700	30,323,727	30,323,727		0		0	
9,799,344	9,799,344	73,275,000	73,275,000	20,215,818	20,215,818		0		0	
0		36,527,000	36,527,000	9,307,470	9,307,470		0		0	
80,000,000	80,000,000	680,671,397	680,671,397	278,838,050	278,838,050	0	0	0	0	0
80,000,000	80,000,000	680,671,397	680,671,397	278,838,050	278,838,050		0		0	
0		0		0			0		0	
19,397,000	19,397,000	116,784,220	116,784,220	21,034,369	21,034,369	0	0	0	0	0
18,142,000	18,142,000	66,345,000	66,345,000	12,547,544	12,547,544		0		0	
1,255,000	1,255,000	5,024,160	5,024,160	6,655,625	6,655,625		0		0	
0		43,583,860	43,583,860	0			0		0	
0		1,831,200	1,831,200	1,831,200	1,831,200		0		0	
22,270,072	22,270,072	21,667,460	21,667,460	30,988,376	25,684,556	5,303,820	0	0	0	0
7,748,472	7,748,472	20,067,460	20,067,460	21,699,098	16,720,556	4,978,542	0		0	
0		1,600,000	1,600,000	9,289,278	8,964,000	325,278	0		0	
0		0		0			0		0	
14,521,600	14,521,600	0		0			0		0	
9,151,240	9,151,240	47,635,600	47,635,600	5,663,756	5,663,756	0	0	0	0	0
9,151,240	9,151,240	2,233,000	2,233,000	887,757	887,757		0		0	
0		530,300	530,300	0			0		0	
0		25,541,500	25,541,500	4,775,999	4,775,999		0		0	
0		0		0			0		0	
0		10,330,800	10,330,800	0			0		0	
0		9,000,000	9,000,000	0			0		0	
0		0		0			0		0	
0	0	10,958,320	10,958,320	0	0	0	0	0	0	0
0		0		0			0		0	
0		0		0			0		0	
0		0		0			0		0	
0		1,000,000	1,000,000	0			0		0	
0		7,200,000	7,200,000	0			0		0	
0		2,758,320	2,758,320	0			0		0	

7.192.800	7.192.800	262.291.900	262.291.900	13.577.800	13.577.800	0	0	0	0	0
0		3.973.000	3.973.000	0		0	0		0	0
0		7.972.700	7.972.700	0		0	0		0	0
0		6.262.200	6.262.200	0		0	0		0	0
7.192.800	7.192.800	244.084.000	244.084.000	13.577.800	13.577.800	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0		0		0		0	0		0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.495.698.406	3.495.698.406	9.441.057.580	9.441.057.580	3.771.240.530	3.771.240.530	0	32.820.817.000	32.820.817.000	4.062.159.000	4.062.159.000
542.465.090	542.465.090	0	0	40.846.000	40.846.000	0	0	0	0	0
542.465.090	542.465.090	0		40.846.000	40.846.000	0				
49.467.300	49.467.300	39.748.920	39.748.920	0	0	0	0	0	0	0
0		0		0		0			0	
0		0		0		0			0	
49.467.300	49.467.300	39.748.920	39.748.920	0		0			0	
0		0		0		0			0	
42.428.960	42.428.960	54.419.240	54.419.240	31.016.500	31.016.500	0	0	0	10.000.000	10.000.000
42.428.960	42.428.960	14.859.240	14.859.240	3.166.500	3.166.500	0			10.000.000	10.000.000
0		39.560.000	39.560.000	27.850.000	27.850.000	0			0	
0		0		0		0			0	
324.380.100	324.380.100	159.660.000	159.660.000	517.696.000	517.696.000	0	0	0	0	0
0		0		0		0			0	
980.100	980.100	0		2.158.000	2.158.000	0			0	
0		0		0		0			0	
323.400.000	323.400.000	159.660.000	159.660.000	515.538.000	515.538.000	0			0	
0		0		0		0			0	
0		0		0		0			0	

0		0		0			32.820.817,000	32.820.817,000	0		0		
0		0		0			0	0	0		0		
0		0					441.299.340	441.299.340	0		0		
0	0	59.600.000	59.600.000	772.569.000	772.569.000	0	0	0	0		0		
0		0		765.619.000	765.619.000		0	0	0		0		
0		0		6.950.000	6.950.000		0	0	0		0		
0		59.600.000	59.600.000	0			0	0	0		0		
0		0		0					0				
1.192.152.000	1.192.152.000	7.833.621.820	7.833.621.820	821.881.990	821.881.990	0	0	0	0		3.145.269.000	3.145.269.000	
0		5.355.072.820	5.355.072.820	585.012.600	585.012.600		0	0	0		1.445.930.000	1.445.930.000	
0		0		0			0	0	0		0		
72.080.000	72.080.000	220.420.000	220.420.000	0			0	0	0		1.533.659.000	1.533.659.000	
1.120.072.000	1.120.072.000	2.258.129.000	2.258.129.000	236.869.390	236.869.390		0	0	0		165.680.000	165.680.000	
29.000.000	29.000.000	29.000.000	29.000.000	29.000.000	29.000.000	0	0	0	0		0		
0		0		0			0	0	0		0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0		
0		0		0			0	0	0		0		
85.007.840	85.007.840	16.004.000	16.004.000	8.052.900	8.052.900	0	0	0	0		0		
3.000.000	3.000.000	0		8.052.900	8.052.900		0	0	0		0		
82.007.840	82.007.840	0		0			0	0	0		0		
0		16.004.000	16.004.000	0			0	0	0		0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0		
0		0		0			0	0	0		0		